

Số : 74/QĐ - TDTT

Quận 1, ngày 11 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận Huấn luyện viên – Vận động viên
Năng khiếu – Trọng điểm – Đại biểu của bộ môn CẦU LÔNG
năm 2010 - 2011**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN 1

- Căn cứ Quyết định số 6484/QĐ – UB-NCVX ngày 04 tháng 9 năm 1995 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trung tâm Thể dục Thể thao quận 1;
- Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-UB ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 1 về bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Thể dục Thể thao quận 1;
- Căn cứ chỉ tiêu sự nghiệp thể dục thể thao quận 1;
- Căn cứ vào khả năng của bộ môn;
- Theo đề xuất của Trưởng Phòng Nghiệp vụ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay công nhận Huấn luyện viên – Vận động viên quận 1 năm 2010 - 2011 của bộ môn CẦU LÔNG thuộc Trung tâm Thể dục Thể thao quận 1 (danh sách đính kèm).

- Huấn luyện viên : 07 Huấn luyện viên
- Vận động viên : 45 Vận động viên
 - + Trọng điểm : 30 Vận động viên
 - + Đại biểu : 15 Vận động viên

Điều 2: Các Huấn luyện viên, Vận động viên có tên trong danh sách được hưởng mọi quyền lợi theo quy định của Nhà nước.

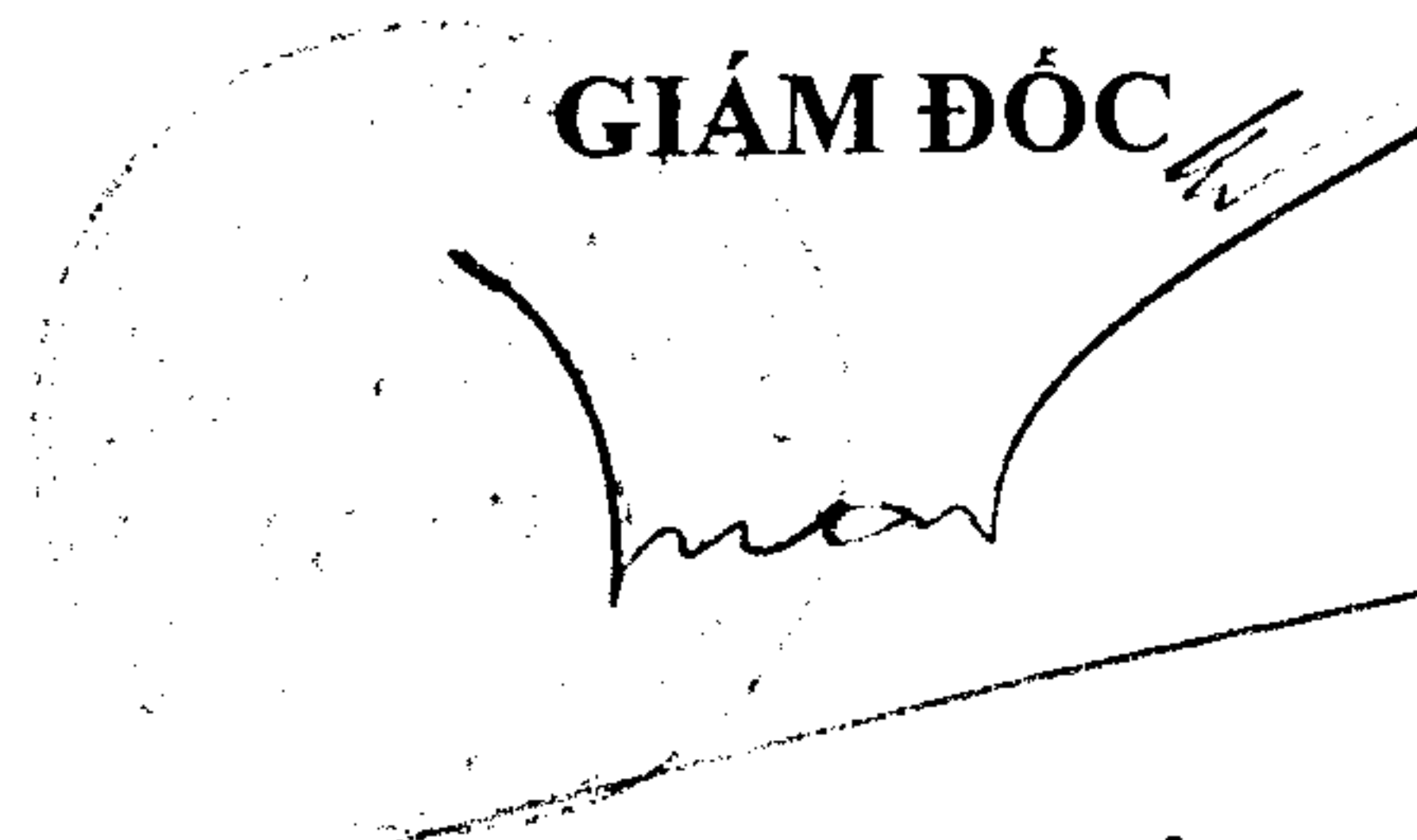
Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Phòng Hành Chánh Quản Trị, Phòng Nghiệp Vụ, Bộ môn CẦU LÔNG, các Huấn luyện viên, Vận động viên có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

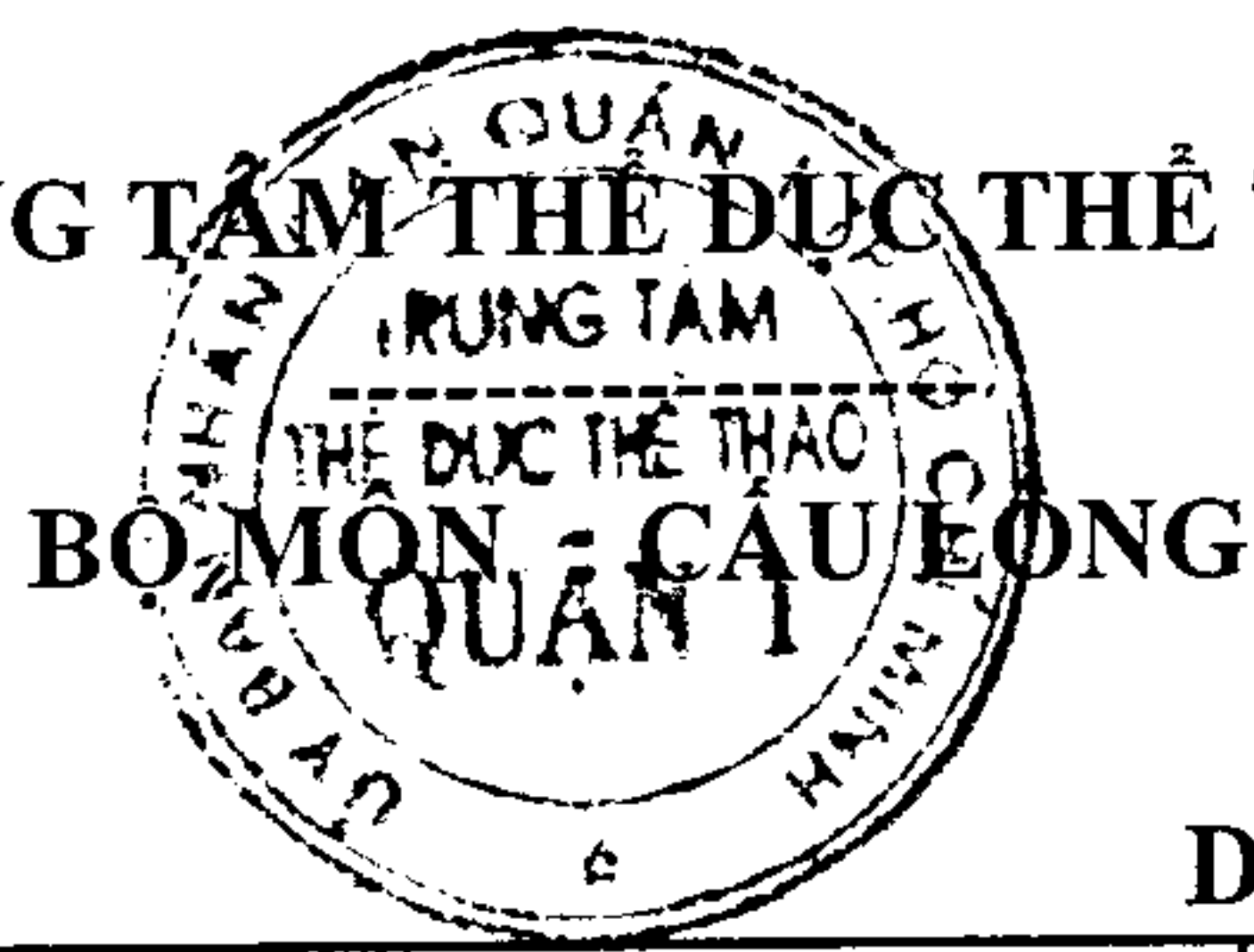
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC



Trần Anh Tuấn



DANH SÁCH HLV - NKBD - TĐ - ĐB - 2011

STT	HỌ VÀ TÊN	C/VỤ	LOẠI	N/S	ĐỊA CHỈ
1	Đặng Anh Đăng	TBM	NK	1974	196 Công Quỳnh, Q1
2	Nguyễn Anh Hoàng	HLV	NK	1972	343/44 Nguyễn Trọng Tuyển, Q.TB
3	Nguyễn Tiến Cường	HLV	NK	1986	101 Nguyễn Thái Bình, Q1
4	Nguyễn Hoàng Tân	HLV	NK	1988	7A2 Điện Biên Phủ, Q.BT
5	Nguyễn Long Vân	HLV	NK	1984	907 Tôn Thất Đạm, Q4
6	Dương Quốc Thống	HLV	NK	1976	127/2 Lê Thị Riêng, Q1
7	Trần Thụy Ngọc Minh	HLV	NK	1982	89 Hồ Hảo Hớn, Q1

DANH SÁCH VẬN ĐỘNG VIÊN NĂNG KHIẾU Q1 2011

STT	Họ và tên	B.MÔN	LOẠI	NS	Địa chỉ
1	Lê Hoàng Quân	CL	TĐ	2001	566/10 Điện Biên Phủ, Q10
2	Chung Duy Minh Hoàng	CL	TĐ	2001	109 Đinh Tiên Hoàng, Q.BT
3	Nguyễn Hữu Phúc	CL	TĐ	2001	182/2A Trần Kế Xương, Q.PN
4	Trần Nguyễn Hồng Anh	CL	TĐ	2001	73 Hùng Vương, Q5
5	Võ Thành Bội Lộc	CL	TĐ	2001	207/56 Nguyễn Văn Đậu, Q.BT
6	Nguyễn Vĩnh Xuân Mai	CL	TĐ	2000	121/5 Lê Thị Riêng, Q1
7	Trịnh Lê Phương Linh	CL	TĐ	2000	150/11 Nguyễn Trãi, Q1
8	Nguyễn Ngân Hạnh	CL	TĐ	2000	159/50A Trần Văn Đán, Q3
9	Nguyễn Trần Khánh Linh	CL	TĐ	2000	91/9 Trần Quang Diệu, Q3
10	Nguyễn Kế Vân Anh	CL	TĐ	1999	95 Sương Nguyệt Ánh, Q1
11	Trịnh Lê Phương Dung	CL	TĐ	1999	150/11 Nguyễn Trãi, Q1
12	Võ Hoàng Đông Triều	CL	TĐ	1999	212/158/32A1 Nguyễn Văn Nguyễn, Q1
13	Nguyễn Đắc Khánh Trình	CL	TĐ	1999	1A Nguyễn Kiệm, Q.GV
14	Lý Nguyễn Hồng Hân	CL	TĐ	1999	12C Hưng Phú, Q8
15	Nguyễn Cẩm Mai Nhi	CL	TĐ	1998	585/54 Nguyễn Đình Chiểu, Q3
16	Trương Bảo Quỳnh	CL	TĐ	1998	41 Lương Định Của, Q2
17	Nguyễn Minh Ngọc	CL	TĐ	1997	C/c 12B Nguyễn Trãi, Q1
18	Võ Thành Uyên Thư	CL	TĐ	1997	207/56 Nguyễn Văn Đậu, Q.BT
19	Nguyễn Trần Anh Tuấn	CL	TĐ	1996	91/9 Trần Quang Diệu, Q3
20	Võ Thị Phương Quế	CL	TĐ	1996	459/14 Trần Hưng Đạo, Q1
21	Nguyễn Kế Duy	CL	TĐ	1996	95 Sương Nguyệt Ánh, Q1
22	Phạm Anh Vỹ	CL	TĐ	1995	182/2B Lê Văn Sỹ, Q.PN
23	Nguyễn Thành Vũ	CL	TĐ	1994	49 Cư Xá Ngân Hàng, Q7
24	Tôn Nữ Thảo Vy	CL	TĐ	1994	325/129 Bạch Đằng, Q.BT

24	Tôn Nữ Thảo Vy	CL	TĐ	1994	325/129 Bạch Đằng, Q.BT
25	Phan Trần Duy Minh	CL	TĐ	1994	210LôB1 C/c D3 , Q4
26	Lê Quốc Bảo	CL	TĐ	2001	89A Hoà Hưng, Q3
27	Trần Gia Huy	CL	TĐ	2005	377/08/10 Bạch Đằng, Q.BT
28	Nguyễn Phước Lộc	CL	TĐ	1997	10A Trần Nhật Duật, Q1
29	Nguyễn Phúc Đan Vy	CL	TĐ	2001	38/9 Thích Quảng Đức, Q.PN
30	Nguyễn Minh Anh	CL	TĐ	2000	92/8 Tôn Thất Thuyết, Q1
1	Trần Thanh Hải	CL	ĐB	1982	59 Trương Định, Q3
2	Nguyễn Long Vân	CL	ĐB	1984	97 Tôn Thất Đạm , Q1
3	Trương Thanh Long	CL	ĐB	1991	33/13A Nguyễn Đình Chính, Q.PN
4	Nguyễn Sỹ Long	CL	ĐB	1987	25 Lê Đức Thọ , Q.GV
5	Nguyễn Hoàng Tân	CL	ĐB	1988	7A2 Điện Biên Phủ, Q.BT
6	Nguyễn Quốc Thái	CL	ĐB	1988	40 Cô Bắc, Q1
7	Nguyễn Tiến Cường	CL	ĐB	1986	101 Nguyễn Thái Bình, Q1
8	Đoàn Thị Thùy Linh	CL	ĐB	1988	67/2C Bùi Đình Túy, Q.BT
9	Nguyễn Ngọc Phương	CL	ĐB	1988	68/4KP3 P.TânHoà, TP Biên Hòa
10	Nguyễn Thị Minh Ngọc	CL	ĐB	1992	13 Thủ Khoa Huân , Q1
11	Nguyễn Thị Thanh Trúc	CL	ĐB	1989	155A Nguyễn Văn Thủ , Q1
12	Trần Nguyễn Việt Phúc	CL	ĐB	1992	33/3B Nguyễn Thị Nhỏ, Q5
13	Nguyễn Trần Trí Nhân	CL	ĐB	1989	125/18B Huỳnh Văn Bánh, Q.PN
14	Huỳnh Thanh Tâm	CL	ĐB	1991	
15	Giang Hoàng Bảo Nhi	CL	ĐB	1990	Cao ốc A Ngô Gia Tự, Q10